TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 15-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/HSST, ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 tại Gò Quao, Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp 10, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 1/12; Con ông Nguyễn Văn O và bà Thái Thị Kim A; Bị cáo có 03 người anh em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1985, vợ là Võ Thị T1, bị cáo có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản vào ngày 18/12/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xử phạt 02 năm 04 tháng tù, do bị cáo chưa khắc phục hậu quả về trách nhiệm dân sự nên chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn C đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/9/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 tại Gò Quao, Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Nguyễn Văn D và bà Trịnh Hồng N; Bị cáo có 04 người anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1985, bị cáo là người con thứ ba trong gia đình, vợ là Huỳnh Kim D1 (đã ly hôn), bị cáo có 01 người con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/9/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Phạm Văn C1 - Văn phòng Luật sư Phạm Văn C1, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thanh X**,** sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
2. Võ Thị T1, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);
3. Trần Văn Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 10, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 50 phút ngày 20/9/2019 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân nghi vấn Nguyễn Văn C có hành vi mua bán số đề, lực lượng trinh sát Công an huyện Gò Quao tiến hành kiểm tra nơi ở phát hiện trong bốp (ví) để trong cốp xe biển số 53S9-9191 có 6 mãnh giấy bên trong có ghi các chữ số và chữ viết (ghi phơi đề), kiểm tra trong điện thoại hiệu Vivo màu hồng số Imei 868784035100353 của C phát hiện nội dung bên trong có lưu giữ một số thông tin có liên quan hoạt động mua bán số đề, tạm giữ tiền Việt Nam 1.373.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Cơ quan Công an tiến hành lập biên bản phạm tội và thu giữ các đồ vật trên (bút lục 01- 02).

Tiến hành kiểm tra nội dung dữ liệu điện thoại di động xác định trong thư mục tin nhắn zalo vào lúc 15 giờ 21 phút ngày 11/9/2019 tài khoản "Tien Kh" gửi lại với nội dung: "Lô 2đai 88 300n. Ok" có nghĩa là C mua số lô 2 con số 88 2 đài (Sóc Trăng và Cần Thơ) là 300.000 đồng, tổng số tiền của 2 đài (Sóc Trăng và Cần Thơ) là 600.000 đồng, "Ok" nghĩa là xác nhận C đã mua số thành công. Đối với tin nhắn gửi đi vào lúc 17 giờ 28 phút ngày 11/9/2019 C gửi vào tài khoản zalo "Tien Kh" với nội dung "Lohn. 88..100n" C trình bày mua số lô đài Hà Nội là lô 2 con số 88 mua 100.000 đồng nhưng T không trả lời nghĩa là tin nhắn này không thành công. Hình thức mua số đầu là 1.000đ nếu trúng thì được 80.000 đồng, lô hai con số nếu người mua số đầu là 1.000đ/1 lô thì phải trả 13.000 đồng, trúng thì được 70.000 đồng (bút lục 62).

Kết quả điều tra chứng minh được vào lúc 14 giờ ngày 11/9/2019 trong lúc Nguyễn Văn C đang ngồi uống cà phê tại quán chợ Ba Hồ thì Trần Văn Đ chạy xe lại bên ngoài đưa 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) kêu C mua số đề lô hai con dùm cho Đ, mua cả hai đài Sóc Trăng và Cần Thơ, lô hai con số "88" mỗi con là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi nhận tiền xong thì C vào quán điện thoại cho T để mua số lô 88 đài Cần Thơ và đài Sóc Trăng mỗi đài mua 300.000 đồng/lô. Tổng cộng là 600.000 đồng (do Đ gửi C mua mỗi lô là 250.000 đồng, C mua thêm 50.000 đồng vào mỗi lô nên tổng cộng là 300.000 đồng/lô), tổng cộng hai đài là 600.000 đồng x 13 = 7.800.000 đồng. Sau khi nghe điện thoại xong thì T nhắn tin qua zalo cho C với nội dung "Lô 2đai 88 300n. Ok" xác nhận là đã mua thành công. Sau khi nhắn tin khoảng 10 phút thì T chạy lại lấy tiền thì C đưa cho T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) còn nợ lại 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền xong thì T đi lại gặp Nguyễn Thanh X để mua số lô 2 con số "88" của hai đài là 600.000 đồng và đưa cho X số tiền là 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi có kết quả xổ số thì không trúng thưởng, đến ngày hôm sau C đã trả tiền cho T là 2.800.000 đồng. Hiện tại phần tin nhắn mua số này C vẫn còn lưu trong điện thoại (Bút lục số 65-84, 89-100).

Nguyễn Văn T khai nhận sau khi đến nhà Nguyễn Thanh X để mua số đề thì giữa X và T không có ghi biên lai mà chỉ giao dịch bằng miệng *"Mua số 88 với số tiền là 7.800.000 đồng và đưa tiền cho bà X"*. Trong quá trình thực hiện hành vi mua bán số đề T không hưởng lợi nên không có cơ sở để truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán số đề. Tuy nhiên trong quá trình Cơ quan điều tra làm việc thì bà X không thừa nhận việc đã bán số đề cho T nên không có cơ sở chứng minh việc mua bán số đề giữa X và T. Đối với Trần Văn Đ cũng không thừa nhận việc đã nhờ Nguyễn Văn C mua số đề dùm nên cũng không có cơ sở gì chứng minh hành vi phạm tội của Đ đã gửi C mua số đề (Bút lục số 67-68, 81-82, 85-88).

Vật chứng: Tại hiện trường thu giữ một chiếc xe môtô biển kiểm soát 53S9-9191 màu đỏ - đen, kiểm tra trong bốp (ví) có 6 mãnh giấy bên trong có ghi các chữ số và chữ viết (đưa vào hồ sơ vụ án), kiểm tra trong điện thoại hiệu Vivo màu hồng số Imei 868784035100353 của C phát hiện nội dung bên trong có lưu giữ một số thông tin có liên quan hoạt động mua bán số đề, tiền Việt Nam 1.373.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) (bút lục số 01- 02).

Đối với điện thoại của Nguyễn Văn T dùng để liên lạc mua bán số đề với Nguyễn Văn C đã làm mất. Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Quao đã truy tìm vật chứng của vụ án nhưng không tìm được (Bút lục số 78c).

Trong quá trình điều tra xác định các đồ vật không phải là vật chứng vụ án nên Cơ quan điều tra T hành trao trả cho Nguyễn Văn C 01 chiếc xe môtô biển kiểm soát 53S9-9191 màu đỏ - đen và trả cho Võ Thị T1 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đây là tiền dùng để đóng học phí cho con của C.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSND-GQ ngày 09/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2015 đã được sửa, đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là có mua bán số lô đề với hình thức trúng thưởng bằng tiền, vì vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 35 BLHS xử phạt tiền bị cáo C từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 và Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo T từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tịch thu sung công quỹ Nhà nước một điện thoại hiệu Vivo màu hồng số Imei 868784035100353 của C phát hiện nội dung bên trong có lưu giữ một số thông tin có liên quan hoạt động mua bán số đề; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 8.580.000 đồng của bị cáo T đã dùng vào việc đánh bạc.

Kê biên bảo thủ thi hành án số tiền Việt Nam 373.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) của Nguyễn Văn C.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt và buộc bị cáo T nộp

số tiền 8.580.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ ở mức thấp nhất về hình phạt tiền cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi mua bán số đề tại ấp 1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao theo quy định tại Điều 268, 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thanh X, bà Võ Thị T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Ông Trần Văn Đ không có mặt ở địa phương nên không T hành tống đạt các thủ tục được và Tòa án cũng đã niêm yết các thủ tục hợp lệ theo quy định. Cho nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người làm chứng này theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Quao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T khai nhận: Vào lúc khoảng 14 giờ ngày 11/9/2019 trong lúc Nguyễn Văn C đang ngồi uống cà phê tại quán chợ Ba Hồ thì Trần Văn Đ chạy xe lại bên ngoài đưa 5.000.000 đồng kêu C mua số đề lô hai con dùm cho Đ, mua cả hai đài Sóc Trăng và Cần Thơ, lô hai con số "88" mỗi đài là 250.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong thì C vào quán điện thoại cho T để mua số lô 88 đài Cần Thơ và đài Sóc Trăng mỗi đài mua 300.000 đồng/lô. Tổng cộng là 600.000 đồng (do Đ gửi C mua mỗi lô là 250.000 đồng, C mua thêm 50.000 đồng vào mỗi lô nên tổng cộng là 300.000 đồng/lô), tổng cộng hai đài là 600.000 đồng x 13 = 7.800.000 đồng. Sau khi nghe điện thoại xong thì T nhắn tin qua zalo cho C với nội dung "Lô 2đai 88 300n. Ok" xác nhận là đã mua thành công. Sau khi nhắn tin khoảng 10 phút thì T chạy lại lấy tiền thì C đưa cho T 5.000.000 đồng, còn nợ lại 2.800.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong thì T đi lại gặp Nguyễn Thanh X để mua số lô hai con số "88" của hai đài là 600.000 đồng và đưa cho X số tiền là 7.800.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số thì không trúng thưởng, qua ngày sau thì bị cáo C đã trả 2.800.000 đồng cho bị cáo T. Đồng thời, hai bị cáo cũng đã khai nhận ngày 10/9/2019 có giao dịch mua bán số đề với nhau, C nhắn tin qua zalo cho T mua số đầu và lô hai con đài Bạc Liêu với số tiền là 780.000 đồng, T đã nhận tiền và thực hiện xong.

Tại Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP, ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC có đủ căn cứ xác định hành vi mua bán lô đề trái phép ăn thua bằng tiền vào ngày 11/9/2019 của các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T là đã phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1, Điều 321 BLHS quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý hành chính tại địa phương. Các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý và với mục đích thu lợi bất chính số tiền cao. Mua bán lô đề, ăn thua bằng tiền là một trong những tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm và ngăn chặn triệt để, cho nên việc bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự cho nên phải bị truy tố và xét xử về hành vi phạm tội của mình.

[5] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo C sau khi phạm tội bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo. Tuy nhiên bị cáo có một tình tiết tăng nặng là tái phạm, tức ngày 18/12/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xử 02 năm 04 tháng tù, chưa được xóa án tích, lý do bị cáo chưa khắc phục hậu quả phần trách nhiệm dân sự. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và một tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đồng thời, cha bị cáo là ông Nguyễn Văn D là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất và là thương binh loại A, 4/4 nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Do vậy khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cân nhắc cho từng bị cáo sao cho phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[6] Xét lời khai của bị cáo T sau khi đến nhà Nguyễn Thanh X để mua số đề thì giữa X và T không có ghi biên lai mà chỉ giao dịch bằng miệng *"Mua số 88 với số tiền là 7.800.000 đồng và đưa tiền cho bà X"*. Tuy nhiên trong quá trình Cơ quan điều tra làm việc thì bà X không thừa nhận việc đã bán số đề cho T hay nhận phơi đề của T nên không có cơ sở chứng minh việc mua bán số đề giữa X và T. Từ đó cũng đủ để xác định bị cáo T là người bán số đề cho bị cáo C và tự ôm phơi đề nên phải chịu trách nhiệm toàn bộ hành vi này. Như vậy số tiền mà bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là 8.580.000 đồng cần phải buộc bị cáo T nộp để sung vào công quỹ Nhà nước.

Đối với Trần Văn Đ cũng không thừa nhận việc đã nhờ bị cáo C mua số đề dùm nên cũng không có cơ sở chứng minh hành vi phạm tội đánh bạc của Đ. Như vậy cũng xác định được chính bị cáo C là người mua số đề do bị cáo T bán chứ không có người nào nhờ mua dùm cả.

[7] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước một điện thoại hiệu Vivo màu hồng số Imei 868784035100353 của C phát hiện nội dung bên trong có lưu giữ một số thông tin có liên quan hoạt động mua bán số đề và buộc bị cáo T nộp số tiền là

8.580.000 đồng (Tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) đã dùng vào việc đánh bạc.

Kê biên bảo thủ thi hành án số tiền Việt Nam 373.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) của Nguyễn Văn C.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và mức hình phạt của các bị cáo là có căn cứ HĐXX chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T cũng là phù hợp nên chấp nhận để xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo C và T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc";

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước một điện thoại hiệu Vivo màu hồng số Imei 868784035100353 của Nguyễn Văn C đã dùng vào việc đánh bạc, buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp số tiền là 8.580.000 đồng (Tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) đã dùng vào việc đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

Kê biên bảo thủ thi hành án số tiền Việt Nam 373.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) của bị cáo C.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2019.

4. Báo cho các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/01/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tôn